

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2018

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Trần Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1976 (có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Thành D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết L trình bày: Bà và ông Dương Thành D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông D có quan hệ bất chính với người khác, bà đã nhiều lần khuyên can và gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải nhưng ông D không sửa đổi. Thời gian gần đây ông D đánh đập bà nhiều lần. Xét thấy hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Dương Thành D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông D có hai người con chung tên Dương Linh Đ, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1998 và Dương Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014. Đối với Dương Linh Đ đã trưởng thành và có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Dương Minh Đ do bà đang tục tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng Dương Minh Đ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Dương Thành D. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Dương Thành D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Tòa án xét xử vắng mặt ông Dương Thành D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết L và ông Dương Thành D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà L và ông D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà L giữ yêu cầu ly hôn với ông D vì cho rằng bà không còn thương yêu ông D. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông D vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Tại phiên tòa bà L cho rằng không còn thương yêu ông D do ông D có quan hệ bất chính với người khác. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Tuyết L về việc yêu cầu ly hôn với ông Dương Thành D.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông D có hai người con chung tên Dương Linh Đ, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1998 và Dương Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014. Đối với Dương Linh Đ đã trưởng thành và có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét. Đối với Dương Minh Đ hiện nay do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay Dương Minh Đ do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông D và ông D không có ý kiến về việc bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung; bà L xác định có đủ điều kiện nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Tuyết L, giao người con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải nộp 300.000đ, bà L đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 53 và Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Tuyết L và ông Dương Thành D.

Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Dương Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Nguyễn Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006916 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Tuyết L có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Dương Thành D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã N, huyện P, Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều